

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Số: 2642/QĐ-ĐHV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 17 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho học viên Cao học
khóa XXV (2017-2019) và khóa XXIV (2016-2018) (đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ ngày 29 tháng 3 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ trên đại học cho Trường ĐHSP Vinh (nay là Trường Đại học Vinh);

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-ĐHV ngày 09/06/2017 và Quyết định số 2113/QĐ-ĐHV ngày 04/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc công nhận trúng tuyển vào Cao học khóa XXV (2017-2019);

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao học đợt 2 năm 2019;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho 126 học viên cao học khóa XXV (2017-2019) của Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng phòng Công tác chính trị học sinh- sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Đ/c Hiệu trưởng (đề b/c);
- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (b/c)
- Lưu: HCTH, SĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Huy Bằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXV (2017-2019)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Quyết định số 4644 /QĐ-ĐHV ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TC/TL	TBC	LV	Chuyên ngành	Ghi chú
1	176031020110004	Ngô Công Mạnh	02/09/1977	46	8.22	8.7	Chính trị học	
2	176031020110110	Phonevanh Onmyda	19/10/1976	43	7.37	8.0	Chính trị học	Miễn NN
3	176031020110111	Sacksith Vilaysouk	12/11/1985	43	7.66	8.5	Chính trị học	Miễn NN
4	176022031110007	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	07/03/1989	46	7.97	8.5	Lịch sử thế giới	
5	176038010110009	Lê Thị Lan Anh	15/06/1982	46	7.58	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	
6	176038010110046	Đoàn Thị Chung	10/11/1992	46	7.56	8.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
7	176038010110044	Trần Văn Công	15/05/1986	46	7.75	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	
8	176038010110051	Hồ Văn Cương	13/09/1981	46	7.53	9.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
9	176038010110063	Lý Văn Dương	20/06/1989	46	7.67	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	
10	176038010110241	Maithone Laovakay	10/11/1987	43	7.29	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	Miễn NN
11	176038010110084	Nguyễn Quỳnh Lê	13/12/1983	46	7.71	9.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
12	176038010110071	Phan Thị Phương Liên	08/10/1994	46	7.74	8.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
13	176038010110013	Ngô Thị Thùy Linh	08/03/1992	46	7.57	8.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
14	176038010110091	Nguyễn Thị Phương	09/04/1986	46	7.85	8.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
15	176038010110035	Nguyễn Việt Phương	10/03/1994	46	7.75	8.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
16	176038010110018	Lê Thị Như Quỳnh	24/09/1990	46	7.82	9.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
17	176038010110069	Nguyễn Anh Sơn	12/11/1974	46	7.56	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	
18	176038010110047	Trần Văn Thành	22/03/1979	43	7.63	9.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	Miễn NN
19	176038010110008	Mai Phương Thảo	01/02/1986	46	7.44	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	
20	176038010110014	Vý Phương Thảo	25/05/1991	46	7.69	8.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	

21	176038010110028	Đặng Thị	Thùy	27/02/1990	46	7.83	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	
22	176038010110021	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	10/09/1994	46	7.48	8.0	LL và LSNN và PL (lớp A)	
23	176038010110005	Ngô Thị Huyền	Trang	20/09/1992	46	7.61	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	
24	176038010110038	Lê Thị Hải	Yến	18/12/1982	46	7.44	8.5	LL và LSNN và PL (lớp A)	
25	176038010110006	Nguyễn Đức	Anh	04/01/1976	46	7.53	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
26	176038010110031	Lê Thanh	Bình	19/09/1991	46	7.65	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
27	176038010110020	Hoàng Thị Bảo	Châu	14/12/1994	46	7.87	8.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	
28	176038010110062	Phạm Ngọc	Chiến	22/04/1984	46	7.36	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
29	176038010110012	Ngô Đức	Chuyên	10/09/1976	46	7.48	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
30	176038010110085	Hoàng Văn	Cường	15/10/1977	46	7.45	7.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
31	176038010110056	Nguyễn Thị	Dung	20/06/1984	46	7.76	9.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	
32	176038010110024	Trần Quốc	Dũng	01/12/1979	46	7.4	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
33	176038010110032	Trần Hiếu	Đức	06/12/1975	43	7.8	9.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	Miễn NN
34	176038010110082	Nguyễn Thanh	Hải	06/06/1975	46	7.48	7.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
35	176038010110076	Trần Thị Thúy	Hạnh	20/09/1984	46	7.87	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
36	176038010110048	Nguyễn Bá	Hiếu	27/06/1979	46	7.77	8.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	
37	176038010110074	Lê Thị Thanh	Huệ	12/07/1983	46	7.8	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
38	176038010110041	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/11/1994	46	7.77	8.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	
39	176038010110042	Nguyễn Thắng	Long	15/10/1988	46	7.35	7.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
40	176038010110027	Lê Đình	Lộc	14/10/1993	43	7.41	7.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	Miễn NN
41	176038010110061	Hoàng Thị	Luyến	06/08/1990	46	7.53	8.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	
42	176038010110080	Phạm Thị Hiền	Lương	02/11/1982	46	7.81	9.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
43	176038010110023	Trần Hoàng	Minh	24/09/1994	46	7.74	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
44	176038010110066	Lê Thị	Mơ	25/02/1992	43	7.82	8.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	Miễn NN
45	176038010110011	Hồ Văn	Nam	20/04/1985	46	7.69	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	
46	176038010110010	Bùi Hạnh	Phúc	30/08/1995	46	7.98	9.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	
47	176038010110067	Nguyễn Thị Phương	Trang	19/12/1994	46	7.4	8.0	LL và LSNN và PL (lớp B)	
48	176038010110073	Trần Thị Cẩm	Vân	12/11/1983	43	7.87	8.5	LL và LSNN và PL (lớp B)	Miễn NN
49	176038010110175	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/07/1977	46	7.96	8.5	LL và LSNN và PL (lớp C)	